

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/HS-ST
Ngày: 20/8/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân
2. Bà Trần Thị Ngọc Diễm (Cán bộ Đoàn)

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Trương Phạm Duy Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2024/TLST-HS ngày 01/8/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-HS ngày 06/8/2024 đối với bị cáo:

Phan Anh N, sinh năm 2000 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre**; nơi ở trước khi bị tạm giam: **ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; trình độ văn hóa: 3/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phan Anh Q** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị B** sinh năm 1976; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: có 02 tiền án: Ngày 29/5/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án Hình sự sơ thẩm số 30/2019/HSST, chấp hành xong bản án ngày 28/02/2020); Ngày 10/05/2022 bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án Hình sự sơ thẩm số 29/2022/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/12/2022, chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng).

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 30/8/2021 bị **Công an xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre** xử phạt số tiền 1.500.000 đồng, về hành vi “Trộm cắp tài sản” (Quyết định số 20/QĐ-XPHC).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/5/2024 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. **Hồ Thị S**, sinh năm 1958; nơi cư trú: **số A, ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh**. Vắng mặt

2. **Nguyễn Ngọc Nhật T**, sinh năm 1982; nơi cư trú: **số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

3. **Lưu Mỹ H**, sinh ngày 19/5/2008; nơi cư trú: **số E, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

*Người đại diện hợp pháp của bị hại **Lưu Mỹ H**:*

1. **Lưu Gia H1**, sinh năm 1982; nơi cư trú: **số E, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Có mặt

2. **Nguyễn Hồng D**, sinh năm 1982; nơi cư trú: **số E, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại **Lưu Mỹ H**:* Ông **Nguyễn Văn T1** là Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B**. Có mặt

4. **Roãn Tân P**, sinh ngày 11/02/2006; nơi cư trú: **số C, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

5. **Bùi Thị Hoàng Y**, sinh năm 1966; nơi cư trú: **số D đường T, khu phố A, phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Nguyễn Thị Ngọc T2**, sinh năm 1978; nơi cư trú: **số A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Có mặt

- *Người làm chứng:* **Huỳnh Trương Thanh P1**, sinh năm 1975; nơi cư trú: **số A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 03/01/2024 đến ngày 14/5/2024, trên địa bàn **thành phố B**, **Phan Anh N** đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 07 giờ ngày 03/01/2024, **Phan Anh N** đi bộ từ nhà **Số B F, ấp A, xã M, thành phố B** đến **Chợ đầu mối Phường H, thành phố B** để xin việc làm nhưng không có người nhận. Sau đó **N** đến cổng sau **Chợ đầu mối** phía vỉa hè bờ **sông B** thấy xe đạp điện hiệu Asama, màu đồng, số máy: AM121203416, có rổ xe bằng nhựa phía trước, bình xe có dòng chữ Asama A-48 của bà **Hồ Thị S**, sinh năm 1958, ĐKTT: **Số A, ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh**, đang dựng ở khu vực cổng sau **Chợ đầu mối Phường H** không có người trông coi. Nguyên lên lút lấy xe đạp điện chạy về tiệm sửa xe đạp điện của chị **Nguyễn Thị Ngọc T2**, sinh năm 1978, ĐKTT: **Số A, Khu phố A, Phường H, thành phố B** bán với giá 700.000 đồng, tiền bán xe được Nguyên tiêu xài cá nhân hết. Hiện Cơ quan điều tra đã thu hồi được xe đạp điện.

Vật chứng thu giữ: 01 xe đạp điện hiệu Asama, màu đồng, số máy: AM121203416, có rổ xe bằng nhựa phía trước, bình xe có dòng chữ Asama A-48 (do Nguyễn Thị Ngọc T2 giao nộp).

Tại Kết luận định giá tài sản số 113/KL-HĐĐG ngày 16/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe đạp điện hiệu Asama, màu đồng, số máy: AM121203416, có rổ xe bằng nhựa phía trước, bình xe có dòng chữ Asama A. Trị giá tài sản ngày 03/01/2024 là: 1.600.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 18 giờ 50 phút, ngày 04/05/2024, Phan Anh N đi bộ đến khu vực Công viên T ở Khu phố A, phường A, thành phố B để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực Tượng đài Trần Văn O, N thấy 01 xe đạp điện nhãn hiệu Pega Cap As, màu đen của anh Nguyễn Ngọc Nhật T, sinh năm 1982, ĐKTT: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, dựng ở khu vực trên để đi bán vé số, không có người trông coi. Nguyên lên lút lấy trộm xe đạp điện trên chạy về hướng đường T. Sau đó, N đem xe đạp điện bán cho người Nam thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) ở xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre với giá 850.000 đồng. Tiền có được Nguyên tiêu xài cá nhân hết. Tài sản hiện không thu hồi được.

Hiện trường phát hiện vụ Trộm cắp tài sản có đặc điểm: nền lát gạch, xây nhiều bồn cây, tượng đài, có không gian mở qua các đường giao thông lân cận. Vị trí xe đạp điện dựng chống giữa, đầu xe quay về hướng T, trực trước xe cách đường H 21m; cách đường T 8,3m.

Tại Kết luận định giá tài sản số 409/KL-HĐĐG ngày 03/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe đạp điện nhãn hiệu Pega Cap As, màu đen. Trị giá tài sản ngày 04/05/2024 là: 8.400.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 17 giờ, ngày 05/05/2024, Phan Anh N đi bộ đến khu vực Công viên T để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến Công viên tại khu vực gần B hồ T, N thấy 01 xe đạp điện nhãn hiệu Bluera, màu đỏ của em Lưu Mỹ H, sinh ngày 19/5/2008 (15 tuổi 11 tháng), ĐKTT: Số E, Khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre, dựng ở khu vực trên để đi tập thể dục, nhìn thấy không có người trông coi, có để chìa khóa khởi động trên xe. Nguyên lên lút lấy trộm xe đạp điện trên chạy về nhà ở xã M, thành phố B. Sau đó, N đem xe đạp điện bán cho người Nam thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) ở xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre với giá 700.000 đồng. Tiền có được Nguyên tiêu xài cá nhân hết. Tài sản không thu hồi được.

Hiện trường phát hiện vụ trộm cắp tài sản có đặc điểm: nền lát gạch, xây nhiều bồn cây, tượng đài, có không gian mở qua các đường giao thông lân cận. Vị trí xe đạp điện dựng chống giữa, đầu xe quay về hướng D, trực trước xe cách cây xanh số 4 Hướng N là 20,5m; cách đường T 19,2m. Trục sau cách đường T 18,3m.

Tại Kết luận định giá tài sản số 413/KL-HĐĐG ngày 05/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe đạp điện nhãn hiệu Bluera, màu đỏ. Trị giá tài sản ngày 05/05/2024 là: 7.700.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 17 giờ, ngày 12/05/2024, Phan Anh N đi bộ đến khu vực Công viên T để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến Công viên tại khu vực gần B hồ T, N

thấy 01 xe đạp điện hiệu Hitasa, màu đen-cam của em **Roãn Tấn P**, sinh ngày 11/02/2006, ĐKTT: **Số C, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre**, dựng ở khu vực trên rồi đến ghé đá gần đó ngồi, thấy không có người trông coi. Nguyên lên lút lấy trộm xe đạp điện trên chạy về nhà ở **xã M, thành phố B**. Sau đó, **N** điều khiển xe đạp điện đến bán cho người Nam thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) mua phế liệu ở khu vực gần **cầu A** ở địa phận **huyện B, tỉnh Bến Tre** với giá 650.000 đồng. Tiền có được Nguyên tiêu xài cá nhân hết. Tài sản không thu hồi được.

Hiện trường phát hiện vụ Trộm cắp tài sản có đặc điểm: nằm trong **Công viên T**, đầu xe quay về hướng Đông. Trục trước cách Cây xanh số 14 là 11,2m; trục sau cách **đường T** là 19,4m. Trục sau cách Cây xanh số 14 là 11,2m; trục sau cách **đường T** là 18,4m.

Tại Kết luận định giá tài sản số 411/KL-HĐĐG ngày 03/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự **thành phố B** kết luận: 01 xe đạp điện hiệu Hitasa, màu đen-cam. Trị giá tài sản ngày 12/05/2024 là: 8.250.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 18 giờ, ngày 14/05/2024, **Phan Anh N** đi bộ đến khu vực **Công viên T** để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến Công viên tại khu vực gần tượng đài **Trần Văn Ơ**, **N** thấy 01 xe đạp nhãn hiệu Martin-107, màu trắng, của bà **Bùi Thị Hoàng Y**, sinh năm 1966, Cư trú: **Số D, đường T, Khu phố A, Phường E, thành phố B**, dựng ở khu vực trên và nằm ngửa trên khu vực thành của bồn hoa. Nguyên lên lút lấy trộm xe đạp trên chạy về hướng Lộ số 4 ở **Phường D, thành phố B**. Sau khi chạy được 50 mét đến **đầu L** thì bị bà **Y** phát hiện, bắt giữ. Hiện Cơ quan điều tra đã thu hồi được tài sản.

Hiện trường phát hiện vụ Trộm cắp tài sản có đặc điểm: nằm trong khuôn viên Công viên **Trần Văn Ơ**, đầu xe quay về hướng Bắc. Trục trước xe đạp cách **đường T** là 12m; cách **đường H** 18m. Trục sau xe đạp cách **đường T** là 11,5m; cách **đường H** là 17m.

Vật chứng thu giữ: 01 xe đạp nhãn hiệu Martin-107, màu trắng (do **Bùi Thị Hoàng Y** giao nộp).

Tại Kết luận định giá tài sản số 415/KL-HĐĐG ngày 06/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự **thành phố B** kết luận: 01 xe đạp nhãn hiệu Martin-107, màu trắng. Trị giá tài sản ngày 14/05/2024 là: 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra, **Phan Anh N** đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với Kết luận định giá tài sản, lời khai của các bị hại và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được.

Về xử lý vật chứng:

Ngày 05/04/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã trả lại: 01 (một) xe đạp điện hiệu Asama, màu đồng, số máy: AM121203416, có rổ xe bằng nhựa phía trước, bình xe có dòng chữ Asama A-48 cho bà **Hồ Thị S**.

Ngày 11/07/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã trả lại 01 (một) xe đạp nhãn hiệu Martin-107, màu trắng cho bà **Bùi Thị Hoàng Y**.

Đối với xe đạp điện nhãn hiệu Pega Cap As, màu đen của bị hại **Nguyễn Ngọc Nhật T**; xe đạp điện nhãn hiệu Bluera, màu đỏ của bị hại **Lưu Mỹ H** và xe đạp điện hiệu Hitasa, màu đen-cam của bị hại **Roãn Tấn P**, Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại **Hồ Thị S** đã nhận lại 01 (một) xe đạp điện hiệu Asama, màu đồng, số máy: AM121203416, có rổ bằng nhựa phía trước, bình xe có dòng chữ Asama A-48 và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Bị hại **Nguyễn Ngọc Nhật T** yêu cầu bị can **Phan Anh N** bồi thường số tiền 8.400.000 đồng là giá trị xe đạp điện bị **N** chiếm đoạt do tài sản không thu hồi được.

Bị hại **Lưu Mỹ H** yêu cầu bị cáo **Phan Anh N** bồi thường số tiền 7.700.000 đồng là giá trị xe đạp điện bị **N** chiếm đoạt do tài sản không thu hồi được.

Bị hại **Roãn Tấn P** yêu cầu bị cáo **Phan Anh N** bồi thường số tiền 8.250.000 đồng là giá trị xe đạp điện bị **N** chiếm đoạt do tài sản không thu hồi được.

Bị hại **Bùi Thị Hoàng Y** đã nhận lại 01 (một) xe đạp nhãn hiệu Martin-107, màu trắng và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án **Nguyễn Thị Ngọc T2** yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 700.000 đồng đã bỏ ra mua xe, xe do Cơ quan điều tra thu hồi.

Tại cáo trạng số 50/CT-VKSTPBT ngày 01/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị: Về hình phạt chính: áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng ghi nhận: Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã trả lại: 01 (một) xe đạp điện hiệu Asama, màu đồng, số máy: AM121203416, có rổ xe bằng nhựa phía trước, bình xe có dòng chữ Asama A-48 cho bà **Hồ Thị S**; đã trả lại 01 (một) xe đạp nhãn hiệu Martin-107, màu trắng cho bà **Bùi Thị Hoàng Y**.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại **Nguyễn Ngọc Nhật T** yêu cầu bị cáo **Phan Anh N** bồi thường số tiền 8.400.000 đồng; bị hại **Lưu Mỹ H** yêu cầu bị cáo **Phan Anh N** bồi thường số tiền 7.700.000 đồng; bị hại **Roãn Tấn P** yêu cầu bị cáo **Phan Anh N** bồi thường số tiền 8.250.000 đồng; **Nguyễn Thị Ngọc T2** yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 700.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nên buộc bị cáo bồi thường. Ghi nhận bị hại **Hồ Thị S**, bị hại **Bùi Thị Hoàng Y** không có yêu cầu bồi thường.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Người đại diện hợp pháp của bị hại **Lưu Mỹ H** là ông **Lưu Gia H1** trình bày: việc bị hại **H** bị mất trộm tài sản như nội dung cáo trạng đã nêu. Tài sản bị mất trộm không thu hồi được nên yêu cầu bị cáo bồi thường cho bị hại **H** giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 7.700.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại **Lưu Mỹ H** trình bày: thống nhất với tội danh, điều luật và mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng. Bị hại **H** có yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản bị mất trộm không thu hồi được, bị cáo đồng ý nên buộc bị cáo bồi thường.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Thị Ngọc T2** trình bày: chị có mua của bị cáo 01 xe đạp điện như cáo trạng nêu. Chị không biết xe này do bị cáo phạm tội mà có; xe đã bị thu hồi nên chị yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 700.000 đồng mà chị đã bỏ ra mua xe của bị cáo.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **công an thành phố B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: từ ngày 03/01/2024 đến ngày 14/5/2024, trên địa bàn **Phường H, phường A, thành phố B**, **Phan Anh N** đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản năm lần của 05 bị hại với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 26.550.000 đồng, cụ thể: đã chiếm đoạt của **Hồ Thị S** 01 xe đạp điện hiệu Asama, màu đồng, trị giá 1.600.000 đồng; của **Nguyễn Ngọc N1** **Trường A**, màu đen, trị giá 8.400.000 đồng; của **Lưu Mỹ H** 01 xe đạp điện nhãn hiệu Bluera, màu đỏ, trị giá 7.700.000 đồng; của **Roãn Tấn P** 01 xe đạp điện hiệu Hitasa, màu đen-cam, trị giá 8.250.000 đồng; của **Bùi Thị Hoàng Y** 01 xe đạp nhãn hiệu Martin-107, màu trắng, trị giá 600.000 đồng.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã một mình cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt 26.550.000 đồng; bị cáo có tiền án đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nhưng lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này của bị cáo là “Tái phạm nguy hiểm”. Bị cáo đã 05 lần thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo có nghề nghiệp, cơ quan điều tra không chứng minh được bị cáo dùng số tiền từ việc trộm cắp tài sản làm nguồn sống chính nên không có đủ cơ sở để xác định bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo có 02 tiền án và đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo đã 05 lần thực hiện hành vi phạm tội, mỗi lần phạm tội đều cấu thành tội phạm; đồng thời trong những bị hại bị bị cáo chiếm đoạt tài sản có bị hại **Lưu Mỹ H** là người dưới 16 tuổi nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi*” theo quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” và “*Bị hại **Hồ Thị S** có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo*” theo quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Về xử lý vật chứng ghi nhận: Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã trả lại: 01 (một) xe đạp điện hiệu Asama, màu đồng, số máy: AM121203416, có rổ xe bằng nhựa phía trước, bình xe có dòng chữ Asama A-48 cho bà **Hồ Thị S**; đã trả lại 01 (một) xe đạp nhãn hiệu Martin-107, màu trắng cho bà **Bùi Thị Hoàng Y**.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại **Nguyễn Ngọc Nhật T** yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 8.400.000 đồng; Bị hại **Lưu Mỹ H** yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.700.000 đồng; Bị hại **Roãn Tấn P** yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 8.250.000 đồng là giá trị tài sản bị mất không thu hồi được; **Nguyễn Thị Ngọc T2** yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 700.000 đồng là tiền đã bỏ ra để mua tài sản do bị cáo phạm tội mà có đã bị thu hồi.

Bị cáo đồng ý bồi thường nên buộc bị cáo bồi thường. Ghi nhận bị hại **Hồ Thị S**, bị hại **Bùi Thị Hoàng Y** không có yêu cầu bồi thường.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận; lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Đối với **Nguyễn Thị Ngọc T2** là người mua xe do bị cáo phạm tội mà có; đối với bà **Trần Thị V** là bà nội của bị cáo **Phan Anh N** và là chủ nhà **số B, ấp A, xã M, thành phố B** nơi bị cáo cất giấu tài sản do trộm cắp mà có nhưng bà **T2**, bà **V** không biết về nguồn gốc các tài sản này nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp. Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền tiếp tục xác minh làm rõ các đối tượng đã mua xe do bị cáo trộm cắp mà có để xử lý theo quy định pháp luật.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải nộp theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Phan Anh N** phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Phan Anh N** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho **Nguyễn Ngọc Nhật T** số tiền 8.400.000 (tám triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo bồi thường cho **Lưu Mỹ H** số tiền 7.700.000 (bảy triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo bồi thường cho **Roãn Tấn P** số tiền 8.250.000 (tám triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Buộc bị cáo bồi thường cho **Nguyễn Thị Ngọc T2** số tiền 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo **Phan Anh N** phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo **Phan Anh N** phải nộp 1.252.000 (Một triệu hai trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

4. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Mỹ Thạnh An, TPBT (1b);
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ (7b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình